TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST Ngày 21 tháng 7 năm 2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhất

2. Bà Đinh Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Bản CT, xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị đơn: Anh Vi Văn Đ, sinh năm 2000

Địa chỉ: Bản CT, xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 15/3/2019, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến ngày 10/9/2020, chị và anh Đ thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã TV cấp Giấy chứng nhận

kết hôn số 14. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh Đ không tu trí làm ăn, chơi bời lêu lổng, rượu chè bê tha rồi chửi bới, đánh đập vợ con, phá hoại tài sản của gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con: Chị và anh Vi Văn Đ có 01 con chung là cháu Vi Minh D, sinh ngày 15/02/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vong được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Vi Văn Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn là anh Vi Văn Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị H và Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/9/2020 do UBND xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Vi Văn Đ là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị H và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo lời khai của chị H phù

hợp với kết quả xác minh tại bản CT, xã TV, huyện LC, do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, chị H nghi ngờ anh Đ nghiện chất ma túy dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H cương quyết ly hôn anh Đ. Anh Đ không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ không còn, hôn nhân đã lầm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, quyết định cho chị H được ly hôn anh Đ.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị H và bản sao Giấy khai sinh cháu D đủ cơ sở xác định: Cháu Vi Minh D, sinh ngày 15/02/2020 là con chung của chị H và anh Đ. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H, thấy: Từ khi chị H và anh Đ ly thân đến nay, chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu vẫn khỏe mạnh và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Mặt khác, hiện nay cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa chị H và anh Đ không có sự thỏa thuận về việc nuôi con. Do đó, giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vi Văn Đ.

Về con: Giao cháu Vi Minh D, sinh ngày 15/02/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0015639 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Phạm Thị H; vắng mặt bị đơn Vi Văn Đ. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**